



ĐK-103

CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
QUALITY ASSURANCE OF VIETNAM COMPANY LIMITED

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1075206066**

Trang/ Page: 1/4



1. Phương tiện đo/ Object: **NHIỆT ẨM KÊ CHUẨN/ DATALOGGER FOR HUMIDITY AND TEMPERATURE**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **ROTRONIC**

3. Kiểu/ Model: **HL-NT2-D**

Số nhận dạng/ ID: **66**

4. Số hiệu/ SN: **61538119**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Độ phân giải nhiệt độ/ Resolution: **0,01 °C**

+ Độ phân giải độ ẩm/ Resolution: **0,01 %RH**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp bảo trì/ - Maintenance method: **A-00 - /**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[÷] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[÷] %RH**

13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **30/09/2023**

14. Ngày bảo trì lại theo yêu cầu của khách hàng/

Remaintenance date as request of customer: **30/09/2024**

15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A066**

AoV

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.

2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.

3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
QUALITY ASSURANCE OF VIETNAM COMPANY LIMITED

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ *Date*:

Sõ/ N^0 : A1075206066

Trang/ Page: 2/4



KẾT QUẢ BẢO TRÌ/ RESULTS OF MAINTENANCE

CODE	LIÊN KẾT CHUẨN	ĐIỂM KIỂM TRA	SỐ HIỆU CHÍNH	ĐKĐBBĐ
	()	0	0	



AoV

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ *Date*:

Sõ/ N⁰: A1075206066



Trang/ Page: 3/4



1.Nội dung bảo trì/ *Content maintenance*

- Kiểm tra thiết bị trước bảo trì/ *Test before maintenance:*

- Thiết bị hiển thị, hoạt động bình thường/ *Device display, normal operation.*
1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
 2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
 3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1075206066

Trang/ Page: 4/4



- Kiểm tra bên ngoài/ Check outside:

- Thông tin thiết bị đầy đủ, rõ ràng/ Device information complete, clear.

- Kiểm tra kỹ thuật/ Technical inspection:

- Hệ thống phím bấm, hiển thị hoạt động bình thường/ Key system, display works normally.

- Thực hiện bảo trì/ Perform:

+ Bảo trì bên ngoài thiết bị/ External maintenance of equipment

- Vệ sinh nắp đậy phía trên thiết bị/ Clean the top cover of the device.
- Vệ sinh thân thiết bị, làm sạch bề mặt sau lưng của thiết bị/ Clean the device body, clean the back surface of the device.
- Kiểm tra, vệ sinh các vị trí tiếp xúc như: chỗ tiếp xúc pin, đầu dò .../ Check and clean contact positions such as battery contacts, probes, etc.
- Kiểm tra, vệ sinh màn hình hiển thị/ Check and clean the display screen.

+ Bảo trì bên trong khoang làm việc/ Maintenance inside the working compartment:

- Kiểm tra, vệ sinh hệ thống hiển thị của thiết bị/ Check and clean the display system of the device
- So sánh kết quả kiểm tra ở điểm nhiệt 25oC giữa thiết bị TB-66 và nhiệt kế Ebro TB-253 đã được gửi Quatest 3 hiệu chuẩn.
- Kết quả/ Results:

Điểm nhiệt/ Heat point	TB-66	TB-253
25oC	24.95	25.05

- Kết luận sau khi bảo trì/ Concluded after maintenance:
- - Thiết bị hoạt động bình thường/ The device is operating normally.
- Đầu nhựa bảo vệ kết nối giữa đầu dò và thân máy bị chuột cắn một chút/ The plastic tip that protects the connection between the probe and the body is bitten by the mouse.

--- Hết/ End ---

AoV

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.